

CHẾ ĐỘ CỦA HỌC SINH TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG: NGHIÊN CỨU SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TƯ PHÁP NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VỚI CÁC CHUẨN MỤC QUỐC TẾ

ThS HÀ NGỌC QUỲNH ANH

Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam;
Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP.HCM
Vietnamese Journal of Legal Sciences;
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: hnqanh@hcmulaw.edu.vn

LÊ DUY ANH

Văn phòng Công chứng Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Go Dau Public Notary Office, Tay Ninh
Email: lethanh5563@gmail.com

Tóm tắt

Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (Luật Tư pháp NCTN) đã thay đổi vị trí pháp lý của biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng theo Bộ luật Hình sự năm 2015 thành biện pháp xử lý chuyển hướng (XLCH). Sự thay đổi về hình thức cũng kéo theo các thay đổi về nội dung chế độ đối với học sinh trường giáo dưỡng, nhằm bảo đảm việc xử lý phù hợp với độ tuổi, khả năng nhận thức, đặc điểm nhân thân, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và tương thích với các chuẩn mực quốc tế về XLCH. Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm tác giả tập trung phân tích đặc điểm pháp lý và mục đích của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng; đối chiếu các quy định của Luật Tư pháp NCTN về chế độ của học sinh trường giáo dưỡng với các chuẩn mực quốc tế; và kiến nghị hoàn thiện quy định của Luật Tư pháp NCTN về một số chế độ của học sinh trường giáo dưỡng.

Từ khóa: xử lý chuyển hướng, biện pháp tư pháp, giáo dục tại trường giáo dưỡng, sinh hoạt tôn giáo, liên lạc, người chưa thành niên

Abstract

The Law on Juvenile Justice 2024 (amended in 2025) has shifted the legal status of “educational measures at reform schools” from a judicial measure under the Penal Code 2015 to a diversion measure. This change has led to substantive changes in the regime of reform school students to ensure these treatments are appropriate for their age, cognitive capacity, personal characteristics, and the social danger of their behaviours, while remaining compatible with international standards. Within the scope of this study, the authors focus on analysing the legal characteristics and objectives of education in reform schools; comparing the provisions of the Law on Juvenile Justice regarding the regime of reform school students with international standards; and proposing recommendations to refine the law, with a focus on specific policies for these students.

Keywords: diversion measures, judicial measures, education at reformatory school, religious activities, juvenile

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.660>

Ngày nhận bài: 05/11/2025

Ngày duyệt đăng: 17/02/2026

Giao dục tại trường giáo dưỡng được quy định là biện pháp xử lý chuyển hướng (XLCH) theo Luật Tư pháp NCTN thay vì là biện pháp tư pháp theo Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) (BLHS năm 2015). Việc chuyển đổi đặc điểm pháp lý từ hình thức trách nhiệm hình sự (TNHS) thành biện pháp XLCH đặt ra câu hỏi về tính phù hợp và khả năng đáp ứng các mục tiêu của XLCH khi thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Bài viết tập trung làm rõ các vấn đề về đặc điểm pháp lý và mục đích của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, cùng với một số chế độ của học sinh trường giáo dưỡng theo Luật Tư pháp NCTN năm 2024; từ đó kiến nghị hoàn thiện các quy định về các vấn đề này.

1. Đặc điểm pháp lý và mục đích của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

1.1. Đặc điểm pháp lý của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

Trong khoa học pháp lý, giáo dục tại trường giáo dưỡng được định nghĩa là “biện pháp tư pháp được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội để thay thế hình phạt”.¹ Giáo dục tại trường giáo dưỡng là một hình thức của TNHS bên cạnh hình phạt, án tích² và được áp dụng trong trường hợp NCTN không được miễn TNHS nhưng “khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt đối với bị cáo thì Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng”.³ Tuy “biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là một dạng hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm đã được quy định truyền thống trong luật hình sự Việt Nam”,⁴ mục đích của biện pháp này không phải là trừng phạt, răn đe mà là giáo dục và phòng ngừa NCTN phạm tội mới. Tư tưởng này được kế thừa liên tục từ BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 nhưng được thay đổi tại Luật Tư pháp NCTN.

Không giống BLHS năm 2015 chỉ quy định giáo dục tại trường giáo dưỡng thuộc mục biện pháp tư pháp, Luật Tư pháp NCTN định nghĩa: “Giáo dục tại trường giáo dưỡng là việc buộc NCTN phạm tội học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục trong một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ theo quy định của pháp luật”.⁵ Đặc điểm pháp lý của giáo dục tại trường giáo dưỡng được thay đổi từ biện pháp tư pháp thành một trong các biện pháp XLCH theo Điều 36 Luật Tư pháp NCTN. Sự thay đổi này, theo quan điểm của một số nhà khoa học, là không phù hợp. Theo tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa, giáo dục tại trường giáo dưỡng “không phải là một biện pháp xử lý chuyển hướng đối chiếu với Công ước về Quyền trẻ em và Bình luận chung số 24”.⁶ Còn theo tác giả Lê Huỳnh Tấn Duy, “khi đối chiếu với chuẩn mực quốc tế và cả pháp luật Việt Nam hiện hành đã cho thấy biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng là một hình thức của TNHS khá nghiêm khắc khi tước tự do của NCTN. Đây không phải là biện pháp xử lý dựa vào cộng đồng và xã hội. Nói cách khác, không thể chỉ dựa vào tên gọi, mục đích của biện pháp này trên lý thuyết mà làm thay đổi bản chất của nó”.⁷ Tác giả đồng tình với các quan điểm trên, bởi lẽ Bình luận chung số 24 của Ủy ban về Quyền trẻ em giải thích “các quốc gia có quyền xác định bản chất và các biện pháp xử lý chuyển hướng cụ thể trong pháp luật quốc gia”⁸ nhưng “các biện pháp xử lý chuyển hướng không nên bao gồm biện pháp tước tự do”.⁹ Trong đó, tước tự do được định nghĩa “bất kỳ hình thức giam giữ hoặc cầm tù nào, hay đưa một người vào nơi giam giữ chung hoặc riêng, mà người đó không được tự ý rời bỏ nơi giam giữ trừ khi có quyết định của cơ quan tư pháp, hành chính hoặc cơ quan công quyền khác”.¹⁰ Việc NCTN chấp hành giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chịu sự quản lý chặt chẽ của trường giáo dưỡng và không được rời khỏi trường giáo dưỡng trong suốt thời gian chấp hành trừ trường hợp đặc biệt là một hình thức tước tự do.¹¹ Như vậy, về bản chất, giáo dục tại trường giáo dưỡng không phải là biện pháp mới mà chỉ là biện pháp tư pháp được đổi tên thành biện pháp XLCH và gắn với những mục đích của XLCH.

1 Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự (Phần chung)*, Nxb Hồng Đức, 2022, tr. 439.

2 *Như trên*, tr. 293.

3 Khoản 6 Điều 423 BLTTHS năm 2015.

4 Nguyễn Thị Phương Hoa, Lê Huỳnh Tấn Duy (chủ biên), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên*, Nxb Công an nhân dân, tr. 152-169.

5 Khoản 1 Điều 51 Luật Tư pháp NCTN năm 2024.

6 Nguyễn Thị Phương Hoa, Lê Huỳnh Tấn Duy, *lđđ*, tr. 152-169.

7 Lê Huỳnh Tấn Duy, “Góp ý quy định của Dự thảo Luật Tư pháp NCTN về các biện pháp xử lý chuyển hướng”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 10/2021, tr. 12- 21.

8 Bình luận chung số 24 (2019) của Ủy ban về Quyền trẻ em về Quyền của trẻ em trong hệ thống tư pháp hình sự.

9 Đoạn 18 (e) Bình luận chung số 24 (2019) về Quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp.

10 Điểm b đoạn 11 Các quy tắc của Liên hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990.

11 Ví dụ: trường hợp nhà có tang mới được bổ sung vào Luật Tư pháp NCTN năm 2024.

1.2. Mục đích của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

Biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng thuộc nhóm các biện pháp thay thế hình phạt với mục đích chính là “giáo dục, cải tạo” và không nhằm mục đích trừng phạt. Khi chuyển thành biện pháp XLCH trong Luật Tư pháp NCTN, những mục đích của XLCH nói chung và giáo dục tại trường giáo dưỡng nói riêng được quy định rõ bằng một điều luật kế thừa tinh thần của BLHS năm 2015 và bổ sung một số điểm mới. Tuy nhiên, một số mục đích đặc trưng của XLCH không thể đạt được với biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.

Thứ nhất, mục đích đẩy mạnh hòa giải giữa NCTN chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng với bị hại không khả thi. Hòa giải là một hình thức của tư pháp phục hồi, theo hướng dẫn của Hội đồng Kinh tế - Xã hội Liên hợp quốc (*Economic and Social Council, ECOSOC*) “phục hồi là bất cứ quá trình nào có sự tham gia của nạn nhân và người phạm tội (các thành viên khác trong cộng đồng có thể tham gia nếu phù hợp) để cùng nhau tích cực giải quyết các vấn đề do tội phạm gây ra với sự trợ giúp của một hòa giải viên”.¹² Có thể thấy tư pháp phục hồi đòi hỏi sự tham gia của bị hại và NCTN, nhưng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cách ly NCTN khỏi xã hội thì không thể tạo cơ hội để gặp mặt, giải quyết mâu thuẫn.

Thứ hai, gia đình và cộng đồng không có nhiều cơ hội tham gia vào quá trình thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng. Với hệ thống trường giáo dưỡng hiện nay, gia đình có ít điều kiện thăm gặp NCTN thường xuyên. Cộng đồng lại càng ít hiện diện trong quá trình thi hành vì không có cơ chế để NCTN tiếp xúc, sống hòa nhập vào cộng đồng mà họ phải dành toàn bộ thời gian chấp hành ở trường giáo dưỡng. Tác giả Lê Huỳnh Tấn Duy cũng có quan điểm tương đồng rằng “mục đích thứ ba: “Đẩy mạnh việc hòa giải giữa NCTN và bị hại hoặc cộng đồng bị ảnh hưởng do hành vi vi phạm của NCTN” và mục đích thứ tư: “Khuyến khích, tạo điều kiện cho bị hại tham gia vào việc đưa ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng” chưa được quy định hợp lý và hầu như khó có thể đạt được với hệ thống các biện pháp XLCH như thiết kế hiện nay của Ban soạn thảo”.¹³

Thứ ba, hiệu quả ngăn ngừa NCTN phạm tội mới và tái hòa nhập cộng đồng chưa cao. Như Báo cáo của Bộ Tư pháp nhận định về biện pháp tước tự do: “Các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng việc sử dụng các biện pháp tước tự do như hình phạt tù và đưa vào trường giáo dưỡng đối với NCTN có hành vi vi phạm nhỏ, không mang tính bạo lực, không cần thiết phải cách ly khỏi cộng đồng không phải là giải pháp hiệu quả trong việc giáo dục, phục hồi đối với NCTN vi phạm pháp luật. Mặc dù tốn kém nhưng chế tài tước tự do không giải quyết được những nguyên nhân và điều kiện vi phạm pháp luật nằm trong môi trường sống, gia đình, bạn bè của NCTN. Ngược lại, việc đưa NCTN vào một môi trường toàn những người vi phạm pháp luật sẽ làm phát triển những nguy cơ vi phạm pháp luật mới, có thể làm tăng tỉ lệ tái phạm của NCTN”.¹⁴ Quy tắc Bắc Kinh cũng đưa ra những tác động tiêu cực đến quá trình phục hồi và tái hòa nhập của NCTN bị tước tự do rằng: “Nhiều ảnh hưởng tiêu cực đối với cá nhân - điều dưỡng như là không tránh khỏi trong bất cứ môi trường giam giữ nào - đã để lại hậu quả không thể khắc phục được bằng các cố gắng chữa trị, đặc biệt trong trường hợp NCTN là những người dễ bị tổn thương bởi các ảnh hưởng tiêu cực. Hơn nữa, các ảnh hưởng tiêu cực không chỉ vì mất tự do mà còn vì bị

¹² Khoản 2 mục 1 Nghị quyết 2002/12 của ECOSOC.

¹³ Lê Huỳnh Tấn Duy, *lđđ*, tr. 12- 21.

¹⁴ Bộ Tư pháp, *Báo cáo nghiên cứu Pháp luật về phòng ngừa, xử lý, phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng đối với NCTN vi phạm pháp luật và tình hình NCTN vi phạm pháp luật tại Việt Nam*, 2019, tr. 103.

tách khỏi môi trường xã hội bình thường đối với NCTN rõ ràng nghiêm trọng hơn so với người lớn, vì các em đang ở giai đoạn phát triển ban đầu”.¹⁵

Tóm lại, dù giáo dục tại trường giáo dưỡng đã được thay đổi từ biện pháp tư pháp – một hình thức của TNHS theo BLHS năm 2015 thành biện pháp XLCH theo Luật Tư pháp NCTN nhưng sự thay đổi này không phù hợp với tiêu chuẩn và quy định của pháp luật quốc tế do vẫn mang tính tước tự do.

2. Quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 về một số chế độ của học sinh trường giáo dưỡng

Luật Tư pháp NCTN được xây dựng trên cơ sở tiếp thu các chuẩn mực pháp lý quốc tế về tư pháp NCTN theo quan điểm chỉ đạo “nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam”.¹⁶ Dựa trên chuẩn mực quốc tế, nhà làm luật công nhận giáo dục tại trường giáo dưỡng là một biện pháp “liên quan đến quyền con người, đến việc hạn chế tự do của người chưa thành niên”¹⁷ nên các quy định về thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đã có sự tiếp thu các tiêu chuẩn bảo vệ NCTN bị giam giữ. Tuy có nỗ lực ghi nhận quy định mới và cải thiện quy định cũ nhưng các chuẩn mực quốc tế vẫn chưa được triển khai trọn vẹn trong lần lập pháp này.

2.1. Chế độ giáo dục, kiểm tra và khen thưởng tại trường giáo dưỡng

Giáo dục tại trường giáo dưỡng là bước quan trọng để NCTN chấp hành xong tái hòa nhập cộng đồng và chuẩn bị cho tương lai như Bình luận chung số 24 giải thích: “Mọi trẻ em có quyền được giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng.[...] để chuẩn bị trở lại xã hội; thêm vào đó, mọi trẻ em phải được giáo dục nghề nghiệp phù hợp để chuẩn bị cho công việc tương lai”.¹⁸ Tại Việt Nam, chế độ giáo dục tại trường giáo dưỡng còn gặp nhiều khó khăn do “việc dạy văn hóa cho NCTN theo chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiểu học liên tục gặp phải nhiều khó khăn do thiếu chương trình giảng dạy cho tất cả các lớp học, thiếu sách chuẩn bị bài giảng và giáo viên gặp nhiều khó khăn khi chuẩn bị bài giảng dựa trên kiến thức chuẩn hóa”.¹⁹ Chương trình giáo dục trong các trường giáo dưỡng chỉ có thể tổ chức cho học sinh học văn hóa hết lớp 09 và học sinh chuyển sang học nghề nên sau khi ra khỏi trường giáo dưỡng những học sinh này quên gần hết kiến thức đã học nên khó có thể tiếp tục học lên cao.²⁰ Những khó khăn này không những làm cho quá trình tái hòa nhập cộng đồng không đạt kết quả, mà còn hạn chế quyền lợi chính đáng của NCTN.

Vì lẽ đó, Luật Tư pháp NCTN đã bổ sung quy định về tổ chức học trực tuyến: “Trường hợp không thể bố trí giáo viên dạy học văn hóa theo quy định thì trường giáo dưỡng phối hợp với cơ sở giáo dục khác để tổ chức, liên kết lớp học trực tuyến cho học sinh”.²¹ Lớp học trực tuyến khắc phục được phần nào tình trạng thiếu giáo viên trong trường giáo dưỡng và giúp NCTN tiếp cận gần hơn với chương trình giáo dục chính quy. Dù vậy, lớp học trực tuyến mới được quy định ở mức độ khái quát và chưa rõ được tổ chức cụ thể như thế nào. Theo tác giả, có thể tổ chức lớp học trực tuyến theo hai cách là kết nối lớp học với giáo viên ngoài trường giáo dưỡng hoặc kết nối học sinh trường giáo dưỡng với lớp học bên ngoài để cùng học. Theo hướng thứ nhất, trường giáo dưỡng chỉ

15 Quy tắc 19.1 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về Hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên năm 1985 .

16 Tờ trình số: 48/TTTr-TANDTC về Dự án Luật Tư pháp NCTN của Tòa án nhân dân tối cao.

17 Như trên.

18 Điểm c đoạn 95 Bình luận chung số 24 (2019) về Quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp.

19 Bộ Tư pháp, *tlđđ*, tr. 88.

20 Như trên.

21 Điều 100 Luật Tư pháp NCTN năm 2024.

cần kết nối trực tuyến giữa lớp học tại trường giáo dưỡng và giáo viên tại cơ sở bên ngoài. Ưu điểm của cách này là đơn giản nhưng chưa phát huy được hoàn toàn ý nghĩa của liên kết lớp học trực tuyến. Theo hướng thứ hai, học sinh trường giáo dưỡng có thể liên kết trực tuyến với học sinh của cơ sở giáo dục bên ngoài. Việc này tạo cơ hội cho các em thu hẹp khoảng cách về môi trường sống, chương trình giáo dục và mối quan hệ với cộng đồng bên ngoài trường giáo dưỡng. Cách tổ chức này có thể đã được dự liệu khi quy định “việc mở lớp học trực tuyến phải bảo đảm an toàn, tránh kỳ thị, ảnh hưởng tới tất cả các học sinh” để tránh kì thị giữa học sinh bên ngoài đối với học sinh trường giáo dưỡng. Tăng cường các lớp học tiệm cận với chương trình giáo dục quốc dân rất cần thiết để học sinh trường giáo dưỡng có thể bắt kịp với chương trình phổ thông vì hiện nay “chương trình giáo dục áp dụng tại trường giáo dưỡng là chương trình giáo dục thường xuyên ít môn hơn so với hệ thống giáo dục chính quy”.²²

Điểm mới thứ hai trong giáo dục đó là chứng chỉ sẽ do cơ quan chuyên trách về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp thay vì trường giáo dưỡng trước đây. Khoản 3 Điều 102 Luật Tư pháp NCTN quy định: “Sở Giáo dục và Đào tạo nơi có trường giáo dưỡng cấp chứng chỉ học văn hóa cho học sinh; cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp chứng chỉ học nghề cho học sinh”. Quy định mới phù hợp với pháp luật giáo dục hiện hành và thống nhất với nguyên tắc bảo đảm thi hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng.²³ Có thể thấy, Luật Thi hành án hình sự năm 2019 quy định trường giáo dưỡng cấp chứng chỉ cho học sinh là không thống nhất với quy định của pháp luật chuyên ngành dù “Chứng chỉ học văn hóa, học nghề do trường giáo dưỡng cấp cho học sinh có giá trị như chứng chỉ của cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp”.²⁴ Thay đổi thẩm quyền cấp chứng chỉ còn hạn chế tối đa phân biệt đối xử, kì thị sau khi chấp hành xong và tạo điều kiện để NCTN tiếp tục học tập, tìm kiếm việc làm bởi thông tin trên văn bằng không thể hiện NCTN từng học tập tại trường giáo dưỡng.²⁵

Tham chiếu tiêu chuẩn quốc tế trong Các quy tắc của Liên hợp quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990, quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định: “Mọi biện pháp cần được cung cấp để NCTN có thể tiếp xúc đầy đủ với thế giới bên ngoài như là một bộ phận không thể tách rời của quyền được đối xử công bằng, nhân đạo và là điều thiết yếu đối với việc chuẩn bị cho NCTN trở lại xã hội”.²⁶ Mặc dù NCTN không được học tập hoàn toàn tại cơ sở giáo dục chính quy nhưng ít nhất văn bằng lưu lại kết quả học tập của NCTN có thể được sử dụng để họ trở lại làm một phần của xã hội.

2.2. Sinh hoạt tôn giáo và sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí tại trường giáo dưỡng

Luật Tư pháp NCTN đã bổ sung sinh hoạt tôn giáo vào chế độ sinh hoạt của học sinh trường giáo dưỡng bằng quy định: “Ngoài thời gian tham gia các hoạt động giáo dục, học tập, lao động, sinh hoạt chung, học sinh theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo

22 Bộ Tư pháp, *lđđ*, tr. 88.

23 Điều 34 Luật Giáo dục năm 2019 quy định “người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông”, Điều 11 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định “Thẩm quyền cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 34 và khoản 2 Điều 45 Luật Giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện”.

24 Khoản 3 Điều 147 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

25 Điều 8 Thông tư 19/2015/TT-BGDĐT về Ban hành quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân quy định “nội dung chung của các văn bằng, chứng chỉ gồm: 1. Tiêu đề: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; 2. Tên văn bằng, chứng chỉ; 3. Tên của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ; 4. Họ, chữ đệm, tên; ngày tháng năm sinh của người được cấp văn bằng, chứng chỉ; 5. Số hiệu và số vào sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ; 6. Địa danh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ quan chứng chỉ đặt trụ sở chính); 7. Tên, chức danh, ký tự của người có thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ và đóng dấu theo quy định; 8. Ngày tháng năm cấp văn bằng, chứng chỉ”.

26 Đoạn 59 Các quy tắc của Liên hợp quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990.

theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo”.²⁷ Theo các nghiên cứu thực nghiệm, người theo tôn giáo ít thực hiện tội phạm hơn những người cùng tuổi không theo tôn giáo vì họ sợ sự trừng phạt từ thần linh cũng như giá trị tốt đẹp của thần linh khiến họ nhận thức tội phạm là hành vi tiêu cực.²⁸ Đối với NCTN, những người tiếp tục thực hành tôn giáo và sống trong cộng đồng tôn giáo ít có xu hướng bạo lực hơn những bạn bè khác²⁹ vì họ cảm thấy hành vi phạm tội đi ngược lại niềm tin tôn giáo tốt đẹp của bản thân.³⁰ Ngoài ra nhờ đức tin tôn giáo, NCTN hình thành niềm tin, mục đích sống và sự vị tha để nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng. Tóm lại, sinh hoạt tôn giáo còn có tác động đáng kể quá trình tái hòa nhập cộng đồng vì nó giúp NCTN hình thành các kỹ năng xã hội cần thiết³¹ và cải tạo niềm tin, mục đích sống tiệm cận với cộng đồng.³²

Quy định này của Luật Tư pháp NCTN đã tiếp thu Quy tắc Havana nhưng chưa trọn vẹn. Quy tắc Havana quy định: “Mọi NCTN cần được phép thỏa mãn nhu cầu cuộc sống tinh thần và tôn giáo của mình, cụ thể là dự các buổi lễ hoặc các cuộc họp được tổ chức trong cơ sở giam giữ, hoặc tự mình thực hành các nghi lễ tôn giáo, và được có sách vở hay vật dụng cần thiết liên quan đến tôn giáo và các chỉ dẫn tôn giáo của mình”.³³ So với quy định trên, sinh hoạt tôn giáo của học sinh trường giáo dưỡng còn hạn chế dưới hình thức bày tỏ niềm tin, một trong bốn hình thức sinh hoạt tôn giáo theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.³⁴ Trong khi đó theo Quy tắc Havana, NCTN có thể dự các buổi lễ tôn giáo, các cuộc họp tôn giáo, thực hành nghi lễ tôn giáo và trong trường hợp “nếu cơ sở giam giữ có đủ số NCTN cùng theo một tôn giáo nào đó, cần chỉ định hoặc thông qua và cho phép một hoặc vài đại diện có đủ tiêu chuẩn của tôn giáo đó tổ chức các buổi lễ thường xuyên và thực hiện các chuyến thăm viếng tín đồ riêng tư đối với NCTN theo yêu cầu của họ”.³⁵

Bên cạnh sinh hoạt tôn giáo, Luật Tư pháp NCTN bổ sung quy định khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động giải trí.³⁶ Giải trí là hoạt động mà một cá nhân tự nguyện tham gia vì họ cảm thấy tận hưởng về tinh thần, thể chất.³⁷ Các hoạt động này cũng được công nhận là một phần quan trọng của quá trình phục hồi.³⁸ Cụ thể, nhờ định hình nếp sống thông qua tham gia hoạt động giải trí, NCTN sẽ có ít ý định phạm tội hơn. Theo nghiên cứu của tội phạm học, các hoạt động trong thời gian nhàn rỗi không được tổ chức và sắp xếp có liên hệ vào việc NCTN phạm tội³⁹ vì họ cảm thấy chán nản và thiếu mục đích sống, đồng thời kết hợp với ảnh hưởng của bạn bè có lối sống tiêu cực làm NCTN quyết định phạm tội để tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống. Do đó, NCTN cần hình thành thú vui có ý nghĩa trong thời gian rảnh để giảm thiểu nhàm chán và mong muốn phạm tội.⁴⁰ Sau khi tái hòa nhập, nhiều kỹ năng thụ đắc trong hoạt động thể thao và giải trí còn giúp

27 Khoản 2 Điều 101 Luật Tư pháp NCTN.

28 Celia C. Lo, Thomas M. Allen, “Religiosity, spirituality, and substance abuse”, *Journal of Drug Issues*, Vol. 02, 2010, tr. 433-459, <http://doi.org/10.1177/002204261004000208>

29 Christopher P. Salas-Wright, Michael G. Vaughn, David R. Hodge, Brian E. Perron, “Religiosity profiles of American youth in relation to substance use, violence, and delinquency”, *Journal of Youth and Adolescence*, Vol. 41, 2012, tr. 1560-1575.

30 Umut Kermen, “Spiritual interventions in juvenile delinquency”, *Spiritual psychology and counseling*, Vol. 01, 2018, tr. 61-84.

31 Torshekia Ellington, *Perceptions on the effects of religious programs on criminal behavior among juveniles*, Doctoral dissertation - Walden University, 2024, tr. 98.

32 Torshekia Ellington, *ltd*, tr. 99.

33 Đoạn 48 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990.

34 Khoản 10 Điều 2 Luật Tôn giáo, tín ngưỡng năm 2016 quy định: “Sinh hoạt tôn giáo là việc bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo”.

35 Đoạn 48 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990.

36 Khoản 3 Điều 101 Luật Tư pháp NCTN năm 2024 quy định “khuyến khích học sinh phát huy năng lực, sở trường về âm nhạc, hội họa, văn học, nghệ thuật, thể dục, thể thao”.

37 Filip Mirić, “Leisure time and juvenile delinquency”, *Facta Universitatis-law and Politics*, Vol. 03, 2016, tr. 441-446.

38 Maria Leon, Corliss Outley, Miner Marchbanks, Brandy Kelly Pryor, “A Review of Recreation Requirements in U.S. Juvenile Justice Facilities”, *Criminal Justice Policy Review*, Vol. 05, 2020, tr. 763-782.

39 Mirić, F, *ltd*, tr. 441-446.

40 Như trên.

NCTN hòa nhập vào cộng đồng tốt hơn⁴¹ khi NCTN chưa tìm được việc làm ngay, các thú vui lành mạnh giúp họ quản lý thời gian, giảm cảm giác buồn chán và ý định phạm tội.⁴² Mặc dù các quy định mới phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế⁴³ nhưng cơ chế tác động của hoạt động giải trí đến hành vi của NCTN rất phức tạp nên phải được tổ chức bài bản để mang lại sự phấn khích và không gian cho NCTN thể hiện cá tính.⁴⁴

2.3. Chế độ liên lạc của học sinh trường giáo dưỡng

Theo chuẩn mực quốc tế, Bình luận chung số 24 nhấn mạnh rằng NCTN phải được duy trì liên lạc với gia đình mình.⁴⁵ Nghiên cứu thực nghiệm cho thấy việc giữ liên lạc giữa NCTN và người thân có tác động tích cực đến quá trình phục hồi, giúp giảm căng thẳng⁴⁶ và các triệu chứng khủng hoảng ở NCTN.⁴⁷ Đặc biệt, hình thức liên lạc trực tiếp bằng các chuyến thăm gặp gia đình còn giúp tăng điểm học tập của NCTN và giảm vi phạm kỷ luật trong cơ sở giam giữ.⁴⁸ Các em còn có khả năng tiếp thu kỹ năng xã hội và điều chỉnh cảm xúc hơn so với số còn lại không được tiếp xúc thường xuyên với người thân.⁴⁹ Do đó, chế độ liên lạc của học sinh trường giáo dưỡng là một nội dung quan trọng giúp các em sớm phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng

So với Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Luật Tu pháp NCTN đã bổ sung phương thức liên lạc bằng điện thoại và thiết bị điện tử.⁵⁰ Bổ sung này có ý nghĩa rất lớn đối với gia đình NCTN và bản thân họ vì điều kiện thăm gặp trực tiếp hiện nay còn khó khăn. Hiện nay, trên cả nước chỉ còn ba trường giáo dưỡng đóng tại địa bàn tỉnh Ninh Bình, Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Đồng Nai tương ứng với ba miền Bắc, Trung, Nam.⁵¹ Khi chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, NCTN phải chấp hành ở rất xa nơi gia đình sinh sống nếu không cùng trú trên địa bàn của các trường giáo dưỡng. Nghiên cứu thực nghiệm cho thấy “khoảng cách địa lý và chi phí di chuyển là những yếu tố chính ngăn cản việc thăm gặp của gia đình, đặc biệt là các gia đình không có phương tiện cá nhân; chi phí di chuyển càng làm giảm cơ hội thăm gặp NCTN trong cơ sở giam giữ”.⁵² Thế nhưng, quy định mới vẫn tồn tại bất cập ngăn cản khả năng liên lạc giữa NCTN và gia đình, gồm rào cản về chi phí liên lạc; rào cản về đối tượng liên lạc; và rào cản về không gian liên lạc.

41 D J Williams, M.S.W., M.S., William B. Streat, PH.D., Enrique Garcia Bengoechea, M.S.C., “Understanding recreation and sport as a rehabilitative tool within juvenile justice programs”, *Juvenile and Family Court Journal*, Vol. 02, 2002, , tr. 31-41, <https://doi.org/10.1111/j.1755-6988.2002.tb00060.x>

42 Maria Leon, Corliss Outley, Miner Marchbanks, Brandy Kelly Pryor, *ltd*, tr. 763-782.

43 Đoạn 47 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990 quy định: “Mọi NCTN cần có thêm thời gian cho những hoạt động lúc nhàn rỗi hàng ngày, trong đó nên dành một phần thời gian để phát triển các kỹ năng nghề thuật và thủ công, nếu họ muốn”.

44 Williams, D. J., Streat, W. B., & Bengoechea, E. G, *ltd*, tr. 31-41.

45 Đoạn 94 Bình luận chung số 24 (2019) về Quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp quy định: “Mọi trẻ em bị tước tự do phải có quyền duy trì liên lạc với gia đình mình thông qua thư tín hoặc thăm gặp. Để hỗ trợ các chuyến thăm này, trẻ em phải được bố trí ở gần nhất với nơi cư trú của gia đình. Các hạn chế liên lạc phải được quy định minh thị bởi các đạo luật và không được trao quyền cho các cơ quan có thẩm quyền”.

46 Ryan Shanahan, Sandra Villalobos Agudelo, “Families as Partners: Supporting Incarcerated Youth in Ohio”, *Vera Institute of Justice*, 2012, <https://vera-institute.files.svcdcn.com/production/downloads/publications/families-as-partners.pdf>, truy cập ngày 02/3/2025.

47 Kathryn C. Monahan, Asha Goldweber, Elizabeth Cauffman, “The effects of visitation on incarcerated juvenile offenders: How contact with the outside impacts adjustment on the inside”, *Law and Human Behavior*, Vol. 35, 2011, tr. 143-151.

48 Villalobos Agudelo, S, “The impact of family visitation on incarcerated youth’s behavior and school performance: Findings from the families and partners project”, *Vera Institute*, 2013, https://www.researchgate.net/publication/259582764_The_Impact_of_Family_Visitation_on_Incarcerated_Youth’s_Behavior_and_School_Performance_Findings_from_the_Families_as_Partners_Project, truy cập ngày 02/3/2025.

49 Walker Sarah Cusworth, Asia Sarah Bishop, “Length of stay, therapeutic change, and recidivism for incarcerated juvenile offenders”, *Journal of Offender Rehabilitation*, Vol. 06, 2016, tr. 355-376.

50 Khoản 2 Điều 107 Luật Tu pháp NCTN năm 2024 quy định: “Học sinh được liên lạc bằng điện thoại hoặc kết nối hình ảnh, âm thanh bằng phương tiện điện tử với thân nhân ở trong nước, có sự giám sát của giáo viên trường giáo dưỡng và tự chịu chi phí”.

51 Trường Giáo dưỡng số 2, địa chỉ: xã Mai Sơn, tỉnh Ninh Bình; Trường Giáo dưỡng số 3, địa chỉ: xã Hòa Phú, Thành phố Đà Nẵng; Trường Giáo dưỡng số 4, địa chỉ: xã An Phước, tỉnh Đồng Nai.

52 Alyssa M. Mikytuck, Jennifer L. Woolard, “Family contact in juvenile confinement facilities: Analysis of the likelihood of and barriers to contact”, *Journal of Offender Rehabilitation*, Vol. 05, 2019, tr. 371-397.

Thứ nhất, Luật Tư pháp NCTN mới chỉ tạo điều kiện liên lạc bằng điện thoại và phương tiện điện tử gia đình NCTN nhưng đã đặt ra rào cản về chi phí đối với họ. Theo chuẩn mực quốc tế điều này không phù hợp.⁵³ Trái với quy định được giúp đỡ, Luật Tư pháp NCTN lại đặt ra thêm rào cản hạn chế quyền liên lạc bằng điện thoại dưới hình thức “chi phí liên lạc”.⁵⁴

Thứ hai, “thân nhân” không được định nghĩa sẽ gây khó khăn trong công tác thi hành pháp luật. Luật Tư pháp NCTN là đạo luật lớn, có nhiệm vụ thay thế các quy định về NCTN tản mát trong các văn bản khác, nhưng khái niệm quan trọng như “thân nhân” lại không được định nghĩa. Trong phạm vi quy định này, đơn bảo lãnh của thân nhân là điều kiện đủ để NCTN quay về gia đình, nhưng viên chức trường giáo dưỡng phải xử lý thế nào nếu không rõ “thân nhân” là ai? Trước sự thiếu sót này, viên chức nhà trường chỉ có thể sử dụng tạm thời khái niệm “thân nhân” tại Nghị định 140/2021/NĐ-CP Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.⁵⁵ Ngoài Nghị định 140/2021/NĐ-CP, Thông tư 14/2020/TT-BCA Quy định chi tiết chế độ gặp, nhận quà và liên lạc của phạm nhân cũng định nghĩa về thân nhân, nhưng cần lưu ý phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh của thông tư này là phạm nhân đang chấp hành án tại cơ sở giam giữ phạm nhân của Công an nhân dân,⁵⁶ nên không thể viện dẫn cho học sinh trường giáo dưỡng vốn không phải phạm nhân, không phải người phạm tội. Việc viện dẫn như vậy là trái với vị trí pháp lý của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng vốn vừa được điều chỉnh từ biện pháp tư pháp, một hình thức của trách nhiệm hình sự, thành biện pháp XLCH.

Thứ ba, quyền riêng tư khi liên lạc bằng điện thoại và các phương tiện điện tử của NCTN chưa được tôn trọng theo các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế được đề cập,⁵⁷ hơn nữa còn có thể vi phạm pháp luật quốc gia.⁵⁸ Nhà làm luật khó có thể viện dẫn lập luận rằng NCTN tại trường giáo dưỡng có địa vị pháp lý tương tự người đang chấp hành TNHS để biện minh cho việc hạn chế quyền riêng tư của họ. Bởi lẽ, Luật Tư pháp NCTN đã chuyển giáo dục tại trường giáo dưỡng từ biện pháp tư pháp trong BLHS năm 2015 sang biện pháp xử lý chuyển hướng. Về mặt lập pháp, sự thay đổi này phản ánh định hướng giảm tính trừng phạt và giảm sự gắn kết với TNHS đối với NCTN. Do đó, nếu tiếp tục áp dụng các hạn chế quyền ở mức độ tương tự một biện pháp mang tính chất hình sự, nhà làm luật cần chứng minh rõ tính cần thiết và tương xứng của các hạn chế này, thay vì mặc nhiên xem đó là hệ quả pháp lý bất lợi gắn với TNHS. Cần nhấn mạnh rằng NCTN tại trường giáo dưỡng phải được đối xử bình đẳng và bảo đảm toàn vẹn các quyền, lợi ích chính đáng của họ. Quy định cần có sự giám sát của giáo viên trường giáo dưỡng còn làm mất ý nghĩa của quyền liên lạc bằng điện thoại và phương tiện điện tử với gia đình vì NCTN không có không gian an toàn để trao đổi. Sự giám sát của giáo viên trường giáo dưỡng làm NCTN

53 Đoạn 61 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990 quy định: “mọi NCTN đều được quyền liên lạc bằng văn bản hoặc bằng điện thoại ít nhất hai lần một tuần với người họ lựa chọn, trừ phi bị hạn chế theo luật, và cần được giúp đỡ khi cần thiết để được hưởng đầy đủ quyền này”.

54 Mikytuck, A. M., & Woolard, J. L, *ibid*, tr. 371-397

55 Khoản 8 Điều 3 Nghị định 140/2021/NĐ-CP quy định: “Thân nhân học sinh, trại viên gồm: vợ hoặc chồng; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; ông nội, bà nội của vợ hoặc chồng, ông ngoại, bà ngoại của vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố dượng, mẹ kế, bố nuôi, mẹ nuôi hợp pháp; bố đẻ, mẹ đẻ, bố dượng, mẹ kế, bố nuôi, mẹ nuôi hợp pháp của vợ hoặc chồng; con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi hợp pháp; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột”.

56 Điều 1 Thông tư 14/2020/TT-BCA Quy định chi tiết chế độ gặp, nhận quà và liên lạc của phạm nhân

57 Đoạn 60 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990 quy định “Mọi NCTN đều có quyền được thường xuyên thăm viếng, về nguyên tắc là một tuần một lần, và không ít hơn một lần trong một tháng, trong điều kiện NCTN được tôn trọng quyền riêng tư”; Điều 16 Công ước về Quyền trẻ em quy định: “Mọi trẻ em có quyền riêng tư. Luật phải bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em về gia đình, nơi ở, liên lạc và danh dự khỏi bất kỳ hành vi xâm phạm nào”.

58 Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật”.

khó trao đổi những vấn đề riêng tư và cảm thấy bị kiểm soát trong quá trình liên lạc, làm mất đi mục đích của liên lạc giữa NCTN và gia đình là giảm cảm giác bị tách khỏi xã hội, giảm căng thẳng trong quá trình chấp hành của NCTN.

Hệ quả của hạn chế liên lạc đó là ngăn cản sự tham gia của gia đình vào quá trình phục hồi của NCTN. Điều đó đi ngược lại với nguyên tắc thi hành được đặt ra ở Điều 19 Luật Tư pháp NCTN và chuẩn mực quốc tế “vì lợi ích và phúc lợi của NCTN bị giam giữ, cha mẹ và người giám hộ phải được quyền thăm nom”.⁵⁹

2.4. Giải quyết trường hợp học sinh trường giáo dưỡng có tang

Mất đi người thân là mất mát lớn khó vượt qua đối với tất cả mọi người và càng trầm trọng hơn đối với người trong điều kiện mất tự do. Đặc biệt, NCTN trong tình trạng mất tự do càng nhạy cảm hơn với trải nghiệm mất người thân so với người trưởng thành trong cùng điều kiện.⁶⁰ Các tổn thương tinh thần này dẫn đến quá trình tái hòa nhập cộng đồng khó khăn và sức khỏe tinh thần không ổn định vì trong cơ sở giam giữ, họ không có không gian riêng tư để bình tĩnh, NCTN vẫn phải sinh hoạt và tuân theo các quy tắc của cơ sở giam giữ nên không có thời gian và không gian để tự ổn định tinh thần. Ngay cả trong môi trường tập thể nhưng người bị giam giữ luôn cảm thấy cô đơn. Việc ngăn cản tiếp xúc với gia đình, bạn bè càng làm NCTN khó bộc lộ cảm xúc và vượt qua chấn thương.⁶¹ Do đó, họ phải tự xử lý cảm xúc tiêu cực và vượt qua mất mát một mình. Đây chắc chắn là tổn thương vô cùng lớn đối với họ. Xét đến NCTN vốn được thừa nhận có bộ não chưa phát triển toàn diện⁶² thì tổn thương không thể chia sẻ sẽ để lại hậu quả lâu dài đối với quãng đời còn lại.

Ngoài ra, tổn thương của người bị giam giữ còn đến từ việc khó chấp nhận người thân của họ đã qua đời làm cho họ khó chữa lành tâm lý và người ngoài nổi buồn. Việc không thể tham dự tang lễ khiến nỗi đau như nhân đôi của người bị giam giữ. Các tổn thương và mất mát không được xử lý ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tái hòa nhập vì các sang chấn tâm lý, cảm xúc và rối loạn hành vi làm cho tình trạng của người bị giam giữ sau khi quay về cộng đồng còn tồi tệ hơn trước kia. Vì lý do đó, cho phép NCTN đoàn tụ tạm thời với gia đình khi có việc tang rất cần thiết để đảm bảo lợi ích tốt nhất của họ.

Cho phép học sinh trường giáo dưỡng quay về nhà tạm thời khi có tang là quy định đột phá và lần đầu xuất hiện trong hệ thống pháp luật Việt Nam.⁶³ Theo quy định thì có hai điều kiện để NCTN được về gia đình: Một là cha, mẹ, con đẻ hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng của NCTN chết; Hai là có đơn xin bảo lãnh của thân nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi NCTN cư trú xác nhận. Dù đã rất tiến bộ nhưng quy định này vẫn có hạn chế.

Thứ nhất, đối tượng chịu tang còn rất hạn chế so với tiêu chuẩn quốc tế.⁶⁴ Luật Tư pháp NCTN chỉ quy định bốn đối tượng gồm cha, mẹ, con đẻ và người trực tiếp nuôi dưỡng của người chưa thành niên. Căn cứ vào mặt pháp lý, gia đình không chỉ bao gồm những thành viên nêu trên mà còn bao gồm các thành viên khác như: ông bà nội, ông bà

59 Quy tắc 26.5 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về Hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên năm 1985

60 Vaswani, Nina, “A catalogue of losses: Implications for the care and reintegration of young men in custody”, *Prison Service Journal*, số 220/2015, tr. 26-35

61 *Nhu trên*

62 Bình luận chung số 24 (2019) về Quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp

63 Khoản 1 Điều 108 Luật Tư pháp NCTN: “Khi có việc tang của gia đình gồm: cha, mẹ, con đẻ, người trực tiếp nuôi dưỡng và có đơn xin bảo lãnh của thân nhân được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh cư trú xác nhận thì Hiệu trưởng trường giáo dưỡng có thể xem xét cho học sinh về gia đình không quá 05 ngày, không kể thời gian đi đường. Thời gian về gia đình được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng”.

64 Đoạn 58 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990 quy định: “NCTN cần được thông báo vào thời gian sớm nhất có thể về cái chết, bệnh tật hoặc tổn thương nghiêm trọng của bất kỳ thành viên gần gũi nào trong gia đình và cần được tạo cơ hội để dự tang lễ người quá cố hay thăm hỏi người thân bị ốm nặng bên giường bệnh”.

ngoại, anh, chị, em, cô, dì, cậu, chú, bác ruột...⁶⁵ Các thành viên khác không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng vẫn sống chung trong một địa phương hoặc cùng một nhà và có mối quan hệ gắn bó. Sự mất mát nào đối NCTN đều tiềm ẩn nguy cơ tổn thương tinh thần và tạo rào cản trong quá trình tái hòa nhập. Ngoài yếu tố pháp lý, khoa học thì tập quán nên là một yếu tố để xem xét đối tượng NCTN chịu tang. Trong tập quán tang chế của các địa phương hiện nay, con để tang cho cha mẹ, cháu để cho cho ông bà.⁶⁶ Việc Luật Tư pháp NCTN bỏ qua trường hợp NCTN để tang cho ông bà là không phù hợp với thực tiễn đời sống hiện nay.

Thứ hai, “thân nhân” không được định nghĩa sẽ gây khó khăn trong công tác thi hành pháp luật. Luật Tư pháp NCTN là đạo luật lớn, có nhiệm vụ thay thế các quy định về NCTN tản mác trong các văn bản khác, nhưng khái niệm quan trọng như “thân nhân” lại không được định nghĩa. Trong phạm vi quy định này, đơn bảo lãnh của thân nhân là điều kiện đủ để NCTN quay về gia đình, nhưng viên chức trường giáo dưỡng phải xử lý thế nào nếu không rõ “thân nhân” là ai? Trước sự thiếu sót này, viên chức nhà trường chỉ có thể sử dụng tạm thời khái niệm “thân nhân” tại Nghị định 140/2021/NĐ-CP Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc.⁶⁷

Thứ ba, ý nghĩa của điều luật không trọn vẹn do chỉ tiếp thu một phần quy định của Quy tắc Havana về thời điểm được trở về. NCTN không chỉ cần được tham gia tang lễ mà còn cần “được thông báo vào thời gian sớm nhất có thể về cái chết, bệnh tật hoặc tổn thương nghiêm trọng... thăm hỏi người thân bị ốm nặng bên giường bệnh”.⁶⁸ Ở bên cạnh người thân trước khi mất là thời điểm quan trọng đối với NCTN, nếu không NCTN cảm thấy nuối tiếc suốt quãng đời còn lại vì họ bị chia cắt khỏi người thân mãi mãi từ khi bị đưa vào trường giáo dưỡng.⁶⁹

3. Kiến nghị hoàn thiện quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 về một số chế độ của học sinh trường giáo dưỡng

Như đã phân tích ở phần đầu của nghiên cứu, xét về bản chất, giáo dục tại trường giáo dưỡng không phải là biện pháp XLCH, nhưng tác giả cho rằng kiến nghị loại giáo dục tại trường giáo dưỡng khỏi hệ thống các biện pháp XLCH là không khả thi vì Luật Tư pháp NCTN mới chỉ được thông qua. Dù vậy, có vẻ như nhà làm luật đã nhận thấy sự không phù hợp giữa bản chất và tên gọi của biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, nên đã có những bổ sung nhằm giảm tác động tiêu cực của biện pháp tước tự do này. Qua phân tích, một mặt, tác giả công nhận những nỗ lực tiếp thu chuẩn mực quốc tế của nhà làm luật, nhưng nhận thấy những quy định mới còn nhiều hạn chế. Vì lẽ đó, tác giả có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, luật cần mở rộng hình thức sinh hoạt tôn giáo và văn bản hướng dẫn cần quy định chi tiết về hoạt động giải trí của NCTN. Như đã so sánh với Quy tắc Havana và

65 Khoản 16 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2016 (không tính quan hệ hôn nhân vì NCTN không đủ điều kiện kết hôn)

66 Quách Trọng Trà, *Thờ cúng cổ truyền Việt Nam- Nghi lễ và thực hành nghi lễ*, Nxb. Thế giới, 2025, tr. 227- 228.

67 Khoản 8 Điều 3 Nghị định 140/2021/NĐ-CP quy định: “Thân nhân học sinh, trại viên gồm: vợ hoặc chồng; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; ông nội, bà nội của vợ hoặc chồng, ông ngoại, bà ngoại của vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố dượng, mẹ kế, bố nuôi, mẹ nuôi hợp pháp; bố đẻ, mẹ đẻ, bố dượng, mẹ kế, bố nuôi, mẹ nuôi hợp pháp của vợ hoặc chồng; con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi hợp pháp; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột”.

68 Đoạn 58 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990.

69 Lillie Alison, Corcoran Mary, Santatzoglou Sotirios, Wrigley Anthony, Hunt Katie, “P208 Supporting Death, Dying and Bereavement in the English Criminal Justice System: An Exploratory Qualitative Study”, *Journal of Pain and Symptom Management*, Vol. 06, 2016, tr. 121-122, <https://doi.org/10.1016/j.jpainsymman.2016.10.265>; Ginette G. Ferszt, “Grief experiences of women in prison following the death of a loved one”, *Illness, Crisis & Loss*, số 03/2002, tr. 242-254, <https://doi.org/10.1177/1054137302010003005>

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, NCTN ở trường giáo dưỡng được sinh hoạt tôn giáo trong phạm vi rất hạn chế chỉ gồm hình thức bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Để phát huy tối đa ý nghĩa của tôn giáo, tín ngưỡng đối với quá trình phục hồi của NCTN luật cần quy định từ "...học sinh theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo..." thành "...học sinh theo tôn giáo được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp và được sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo...". Cụm từ "sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo" sẽ được hiểu là gồm bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo.⁷⁰ Ngoài ra, nhà làm luật có thể tham khảo thêm Quy tắc Havana để cho phép cơ sở tôn giáo tại nơi có trường giáo dưỡng tổ chức sinh hoạt cho học sinh trường giáo dưỡng và triển khai nhiều hoạt động có ý nghĩa giáo dục cho các em. Điều này sẽ có tác động rất tốt đến quá trình hình thành ý thức hướng thiện của học sinh tại trường giáo dưỡng. Đối với hoạt động giải trí, Luật Tư pháp NCTN năm 2024 mới chỉ "khuyến khích tham gia" mà chưa có quy định về việc tổ chức. Nhóm tác giả kiến nghị Luật Tư pháp NCTN năm 2024 cần quy định về nghĩa vụ của trường giáo dưỡng trong việc xây dựng phương án đầu tư hoặc liên kết với các cơ sở giáo dục khác nhằm giúp học sinh trường giáo dưỡng rèn luyện năng khiếu, thể thao. Hoạt động giải trí phải được bố trí và xây dựng cẩn thận, phù hợp với lứa tuổi, sở thích của NCTN, vì nếu không các em sẽ cảm thấy bị ép buộc tham gia và không thể hình thành lối sống tốt.

Thứ hai, dù chế độ liên lạc bằng điện thoại và phương tiện điện tử được nhà làm luật bổ sung, nhưng cần loại bỏ những rào cản hạn chế. Một là, cần quy định NCTN có quyền lựa chọn người muốn liên lạc. Quyền được lựa chọn người liên lạc là chuẩn mực tối thiểu đảm bảo quyền, lợi ích của NCTN bị tước tự do theo Quy tắc Havana. Liên lạc với những người bên ngoài trường giáo dưỡng không chỉ là thể hiện tính nhân đạo của Luật Tư pháp NCTN mà là một biện pháp thúc đẩy NCTN phục hồi và giảm căng thẳng cho NCTN. Giới hạn NCTN chỉ được liên lạc với người thân làm hạn chế khả năng tiếp xúc với cộng đồng. Bình luận chung số 24 cũng yêu cầu NCTN cần được tạo cơ hội để liên lạc với gia đình và bạn bè.⁷¹ Điều này rất ý nghĩa đối với NCTN có hoàn cảnh gia đình không thuận lợi, bạn bè có thể trở thành nguồn hỗ trợ tinh thần cho họ. Hai là, chi phí liên lạc do ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm. Mâu thuẫn với chuẩn mực quốc tế cho rằng NCTN cần được giúp đỡ khi cần thiết để được hưởng đầy đủ quyền liên lạc,⁷² Luật Tư pháp NCTN lại dùng chi phí liên lạc để hạn chế NCTN thực hiện quyền này. Điểm d khoản 2 Điều 4 Luật Tư pháp NCTN cũng không quy định về chi phí cho chế độ thăm gặp, liên lạc của NCTN, trong khi lại quy định chi phí cho các chế độ khác.⁷³ Quy định này không chỉ hạn chế quyền lợi của NCTN mà còn hạn chế khả năng tham gia của gia đình trong quá trình phục hồi. Do đó, nhà làm luật cần bổ sung chi phí liên lạc là một phần chi phí do ngân sách nhà nước đảm nhận và NCTN không phải chịu chi phí này. Ba là quyền riêng tư của NCTN trong việc liên lạc phải được tôn trọng. Như đã phân tích, giám sát NCTN gọi điện, liên lạc bằng phương tiện điện tử với người thân vi phạm pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không còn là một dạng của TNHS nên nhà làm luật không được biện luận rằng NCTN phải chịu một số bất lợi trong quá trình thi hành. Giáo dục tại trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý chuyển hướng và học

70 Khoản 10 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

71 Điểm e đoạn 95 Bình luận chung số 24 về Quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp, 2019.

72 Đoạn 61 Các quy tắc của Liên Hợp Quốc về Bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do năm 1990.

73 Cơ sở vật chất của trường giáo dưỡng, trại giam riêng, phân trại, khu giam giữ dành riêng cho người chưa thành niên; chế độ ăn, mặc, ở, đồ dùng sinh hoạt, chăm sóc y tế, học văn hóa, giáo dục hướng nghiệp, học nghề, lao động, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ và vui chơi giải trí đối với học sinh trường giáo dưỡng và phạm nhân là người chưa thành niên.

sinh trường giáo dưỡng không có TNHS nên phải được hưởng sự bảo vệ của pháp luật một cách bình đẳng.

Cuối cùng, nhà làm luật cần mở rộng quy định về giải quyết học sinh có tang. Theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và tập quán tang chế, đối tượng NCTN chịu tang rộng hơn so với Luật Tư pháp NCTN quy định. Đặc biệt là ông bà của NCTN là những người có mối quan hệ gần gũi và thường rơi vào trường hợp già yếu, bệnh tật, dễ mất trong quá trình NCTN chấp hành giáo dục tại trường giáo dưỡng. Trên tinh thần nhân đạo, tiếp thu chuẩn mực quốc tế, giảm tâm lý tiêu cực cho NCTN và phù hợp với tập quán, Luật Tư pháp NCTN cần bổ sung các trường hợp NCTN được quay về gia đình để chịu tang. Thêm nữa, cần tiếp thu trường hợp học sinh được thăm người thân bị bệnh nghiêm trọng để tránh những tổn thương tâm lý kéo dài. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Celia C. Lo, Thomas M. Allen, “Religiosity, spirituality, and substance abuse”, *Journal of Drug Issues*, Vol. 02, 2010, <http://doi.org/10.1177/002204261004000208>
- [2] Lillie Alison, Corcoran Mary, Santatzoglou Sotirios, Wrigley Anthony, Hunt Katie, “P208 Supporting death, dying and bereavement in the english criminal justice system: An exploratory qualitative study”, *Journal of Pain and Symptom Management*, Vol. 06, 2016, <https://doi.org/10.1016/j.jpainsymman.2016.10.265>
- [3] Lê Huỳnh Tấn Duy (chủ biên), *Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi trên cơ sở khung pháp lý của Liên Hợp Quốc*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2018 [trans: Le Huynh Tan Duy (chief editor), *Improving Vietnam’s Criminal procedure law for persons under 18 based on the united nations legal framework*, Ho Chi Minh City Vietnam National University Publishing House, 2018]
- [4] Torshekia Ellington, *Perceptions on the effects of religious programs on criminal behavior among juveniles*, Doctoral dissertation - Walden University, 2024
- [5] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hình sự (Phần chung)*, Nxb. Hồng Đức, 2022 [trans: Ho Chi Minh City University of Law, *Textbook on Criminal law (General Part)*, Hong Duc Publishing House, 2022]
- [6] Nguyễn Thị Phương Hoa và Lê Huỳnh Tấn Duy (chủ biên), *Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên*, Nxb. Công an nhân dân, 2022 [trans: Nguyen Thi Phuong Hoa, Le Huynh Tan Duy (chief editors), *Criminal justice for juveniles*, People’s Public Security Publishing House, 2022]
- [7] Umut Kermen, “Spiritual interventions in juvenile delinquency”, *Spiritual psychology and counseling*, Vol. 01, 2018
- [8] Maria Leon, Corliss Outley, Miner Marchbanks, Brandy Kelly Pryor, “A Review of Recreation Requirements in U.S. Juvenile Justice Facilities”, *Criminal Justice Policy Review*, Vol. 05, 2020
- [9] Alyssa M. Mikytuck, Jennifer L. Woolard, “Family contact in juvenile confinement facilities: Analysis of the likelihood of and barriers to contact”, *Journal of Offender Rehabilitation*, Vol. 05, 2019
- [10] Filip Mirić, “Leisure time and juvenile delinquency”, *Facta Universitatis-law and Politics*, Vol. 03, 2016
- [11] Kathryn C. Monahan, Asha Goldweber, Elizabeth Cauffman, “The effects of visitation on incarcerated juvenile offenders: How contact with the outside impacts adjustment on the inside”, *Law and Human Behavior*, Vol. 35, 2011
- [12] Christopher P. Salas-Wright, Michael G. Vaughn, David R. Hodge, Brian E. Perron, “Religiosity profiles of American youth in relation to substance use, violence, and delinquency”, *Journal of Youth and Adolescence*, Vol. 41, 2012
- [13] Ryan Shanahan, Sandra Villalobos Agudelo, “Families as Partners: Supporting incarcerated youth in Ohio”, *Vera Institute of Justice*, 2012
- [13] Walker Sarah Cusworth, Asia Sarah Bishop, “Length of stay, therapeutic change, and recidivism for incarcerated juvenile offenders”, *Journal of Offender Rehabilitation*, Vol. 06, 2016
- [14] D J Williams, M.S.W., M.S., William B. Strean, PH.D., Enrique Garcia Bengoechea, M.SC., “Understanding recreation and sport as a rehabilitative tool within juvenile justice programs”, *Juvenile and Family Court Journal*, Vol. 02, 2002, <https://doi.org/10.1111/j.1755-6988.2002.tb00060.x>
- [15] Ginette G. Ferszt, “Grief experiences of women in prison following the death of a loved one”, *Illness, Crisis & Loss*, số 03, 2002, <https://doi.org/10.1177/1054137302010003005>